

Quan niệm của đức Phật về chính trị

ISSN: 2734-9195 09:12 03/08/2026

Nếu người phật tử có thể lấy tinh thần Bồ-tát đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn làm nền tảng để dẫn thân vào sự nghiệp chính trị, họ càng có khả năng mở rộng tâm lượng, vượt lên trên lợi ích cá nhân và mưu cầu phúc lợi cho số đông.

Bậc cao tăng lỗi lạc, nhà lãnh đạo tôn giáo, nhà văn hóa và nhà giáo dục Phật giáo đương đại - Hòa thượng Tinh Vân (1927-2023) từng nhắc rằng: hơn 2.000 năm trước, khi đức Phật Thích-ca Mâu-ni còn tại thế, Ngài thường tiếp xúc với các bậc quốc vương, đại thần và khai thị cho họ về đạo trị quốc.

Kính xin Hòa thượng giảng giải thêm: Thuở ấy, đức Phật đã có những quan niệm và giáo huấn như thế nào về chính trị?

Lý tưởng chính trị của đức Phật

Nói đến quan niệm chính trị và sự giáo hóa của đức Phật, điều khiến người ta không khỏi cảm khái là: nhìn lại lịch sử nhân loại từ xưa đến nay, nền chính trị của các quốc gia trên thế giới hiếm khi thật sự thanh bình và trong sáng; phần nhiều chìm trong biến loạn, tranh chấp và bất ổn. Nguyên nhân sâu xa là bởi các giai cấp, quốc gia và dân tộc thường lấy lợi ích riêng làm điểm xuất phát: đối nội thì tàn sát lẫn nhau, tranh đoạt quyền lực; đối ngoại thì xâm chiếm, cướp đoạt và mưu cầu bành trướng. Khắp nơi đều phơi bày những nhược điểm cố hữu của con người: ích kỷ, tham lam và chấp thủ.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Phật giáo là một tôn giáo tôn trọng hòa bình. Trong tinh thần Phật giáo chân chính không có sự kỳ thị hay đấu tranh vì giai cấp và chủng tộc. Ngay từ buổi đầu, đức Phật đã phủ nhận sự phân chia cao thấp của chế độ bốn giai cấp, đồng thời tuyên dương tinh thần bình đẳng giữa người với người. Bởi tất cả chúng sinh đều có khả năng giác ngộ, nên mọi người đều phải được nhìn nhận và đối xử bình đẳng.

Theo truyền thống Phật giáo, nếu Thái tử Tất-đạt-đa không xuất gia cầu đạo mà kế thừa vương vị, Ngài có thể trở thành một vị Chuyển luân Thánh vương anh minh và nhân từ. Nền chính trị của Chuyển luân Thánh vương là nền đức trị hướng đến tự do, dân chủ, bình đẳng, lấy Ngũ giới và Thập thiện làm nền tảng đạo đức.

Đức Phật xuất thân từ dòng dõi vương tộc nên có sự hiểu biết sâu sắc đối với chính trị và việc trị quốc. Trong Kinh Bát Nê-hoàn, Ngài dạy: “Trong thiên hạ có nhiều đạo, vương đạo là lớn; Phật đạo cũng như thế, lại là cao quý hơn hết.” Lý tưởng chính trị và lý tưởng tôn giáo trong giáo pháp của đức Phật dung thông, nâng đỡ lẫn nhau. Ngài cho rằng chỉ khi thuận theo Chính pháp, chính trị mới có thể đạt đến cảnh giới lý tưởng. Nói cách khác, một chính quyền tốt đẹp phải kiến lập trật tự quốc gia và pháp luật trên nền tảng đạo đức; có như vậy, lý

tướng của nền chính trị Nhân vương mới được phát huy.

Đức trị và trách nhiệm của người lãnh đạo

Những lời dạy của đức Phật về nền chính trị Nhân vương được ghi lại trong nhiều kinh điển. Chẳng hạn, trong Kinh Đại Tát-già Ni-kiền Tử Sở Thuyết, đức Phật khai thị rằng lòng dân bất an chính là mối nguy của quốc gia; bởi vậy, người lãnh đạo phải luôn nghĩ đến dân chúng bằng tấm lòng thương yêu, gần bó như cha mẹ chăm lo cho con thơ.

Trong Kinh Như Lai Thị Giáo Thắng Quân Vương, Đức Phật dạy người làm vua rằng: đối với hết thảy chúng sinh, tôi tớ và đại thần trong nước, đều phải vận dụng Tứ nhiếp pháp - bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự để chăm nom, nhiếp hóa và nâng đỡ.

“Vua tôi hòa thuận, trên dưới kính nhau... nếu làm được như thế... đất nước sẽ an ổn lâu dài”. - Kinh Trường A-hàm

“Làm vua phải sáng suốt, xét việc xưa để thông đạt việc nay; động hay tĩnh đều biết đúng thời; cứng rắn hay mềm mỏng đều hợp lý; ban ân cho người dưới, làm lợi cho dân; bố thí phải bình đẳng”. - Kinh Phật Thuyết Bộ Kinh Sao

Trong Kinh Pháp Cú Thí Dụ, đức Phật nêu ra năm điều một vị vua cần thực hành: thứ nhất, cai quản muôn dân phải công minh, bình đẳng, không để xảy ra oan khuất; thứ hai, phải tuyển chọn, đào tạo và chuẩn bị nhân tài, hết lòng giáo dục họ; thứ ba, siêng năng việc nước, thương yêu nhân dân và rộng tu phúc đức; thứ tư, không nghe lời gièm pha, đồng thời biết tiếp nhận những lời can gián ngay thẳng; thứ năm, giữ mình thanh liêm, tự trọng, không tham đắm hưởng lạc.

“Đối với người thân và người không thân, đều quán sát bình đẳng tất cả. Nếu làm bậc Chính pháp vương, trong nước không có bè phái thiên lệch; danh tiếng của Pháp vương vang xa, khắp trong ba cõi đều nghe biết” - Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương.

Quan sát toàn cảnh xã hội đương thời, đức Phật cho rằng sự thịnh suy của một quốc gia có quan hệ mật thiết với đạo đức của người đứng đầu: “Quân chủ hiền năng, thi hành đức chính thì vận nước ắt hưng thịnh, nhân dân được hạnh phúc; quân chủ thất đức thì vận nước ắt suy đồi, nhân dân phải chịu khổ đau”. Vì vậy, Ngài đề ra những phẩm hạnh mà bậc đế vương cần gìn giữ: thanh liêm, khoan dung và biết tiếp nhận lời can gián của quần thần; sẵn lòng bố thí, biết cùng nhân dân chia ngọt sẻ bùi; thu thuế đúng pháp luật; cần mẫn việc nước, thương

dân và giữ gìn uy nghiêm; xét xử phải căn cứ pháp luật, tuyệt đối không thiên vị, không uốn cong lẽ phải; hòa thuận với quần thần, không tranh giành hơn thua,...

Không chỉ người lãnh đạo tối cao phải có lòng từ bi, năng lực, sự công chính và tinh thần tôn trọng pháp luật; trong Kinh Tăng Nhất A-hàm, phẩm Kết Cấm, đức Phật còn chỉ rõ những phẩm chất cần có của các quan chức thi hành chính lệnh: không tham ô, không nóng giận, không đùn đẩy lỗi lầm, không quái gở thiên lệch, không keo kiệt, không phạm pháp, không hành hạ dân chúng, không đặt thuế khóa nặng nề, không nghiện rượu, không hiếu sắc và không ích kỷ. Có như vậy, việc thực thi pháp lệnh mới không trái đạo, đồng thời đem lại lợi ích thiết thực cho muôn dân.

Bảy pháp làm cho quốc gia cường thịnh

Kinh Trung A-hàm, kinh Vũ Thế, cũng ghi lại một sự kiện tiêu biểu về quan điểm chính trị của đức Phật. Một lần nọ, vua A-xà-thế muốn phát binh đánh nước Bạt-kỳ, nên sai đại thần Vũ Thế đến thỉnh giáo đức Phật về chiến lược. Biết rõ ý định của vị đại thần, đức Phật không trực tiếp bàn kế chinh phạt, mà quay sang khai thị cho Tôn giả A-nan đang đứng phía sau về bảy pháp khiến nước Bạt-kỳ trở nên giàu mạnh và không bị suy thoái:

Một: Thường xuyên hội họp, cùng nhau bàn nghị những việc chính đáng.

Hai: Vua tôi hòa thuận, trên dưới kính trọng nhau.

Ba: Phụng hành pháp luật, hiểu rõ những điều cấm kỵ, không trái lẽ nghi và phép tắc.

Bốn: Hiếu thảo với cha mẹ, thuận kính các bậc sư trưởng.

Năm: Cung kính tôn miếu, tôn trọng truyền thống tín ngưỡng và các nơi thờ tự.

Sáu: Gia phong đoan chính, lời nói và hành vi không rơi vào tà vạy.

Bảy: Tôn kính các vị Sa-môn và những người nghiêm trì giới luật.

Qua lời dạy ấy, có thể thấy đức Phật đề cao tinh thần hội nghị, hòa hợp, tôn trọng pháp luật và đồng thuận cộng đồng. Cũng như ngày nay, các cơ quan lập pháp và giám sát thường xuyên triệu tập hội nghị để bàn định lợi ích chung; từ hơn hai nghìn năm trăm năm trước, đức Phật đã thể hiện một tầm nhìn sáng suốt và xa rộng như vậy. Vì thế, tác phẩm Di sản Ấn Độ từng nhận định: “Chế

độ hội nghị của các quốc gia dân chủ hiện đại chính là sự kế thừa từ tư tưởng Phật giáo”.

Thật ra, một chính phủ tốt đẹp không nhất thiết phải là một chính phủ toàn năng, nhưng nhất định phải hướng dẫn nhân dân đi theo chính đạo. Từ những lời dạy được ghi trong nhiều kinh điển nói trên, có thể thấy nền chính trị lý tưởng trong tư tưởng đức Phật chính là nền chính trị Nhân vương của Chuyển luân Thánh vương: lấy đạo đức làm gốc, lấy pháp luật làm chuẩn mực, lấy an lạc của nhân dân làm mục tiêu.

Đức Phật cho rằng một quốc gia không nên khuếch trương vũ lực để xâm lược nước khác. Tuy nhiên, nhằm bảo vệ tự do, bình đẳng, an toàn và hạnh phúc của nhân dân, những chính sách cần thiết, chính đáng và phù hợp với Chính pháp vẫn có thể được thi hành.

Nếu các nhà chính trị ngày nay có thể ghi nhớ những quan điểm sâu sắc của đức Phật về đạo trị quốc, thực hành theo đó và vận dụng vào công cuộc trị nước, an dân, thì quả thật đó là điều may mắn của quốc gia và là phúc lành của nhân dân.

Phật giáo đồng hành cùng chính trị trong lịch sử:

Đức Phật đã thân hành nêu gương quan tâm đến đời sống chính trị và vận mệnh xã hội. Vậy, các bậc cao tăng đại đức qua các thời đại đã nhìn nhận chính trị như thế nào? Các ngài có từng kiến lập những khuôn mẫu đáng để hậu thế noi theo hay không?

Như đã nói ở trên, sự hoàng truyền Phật giáo trong lịch sử nhiều khi cần nương vào sự hộ trì của các bậc đế vương mới có thể phổ biến rộng rãi; ngược lại, Phật giáo cũng ảnh hưởng sâu sắc đến quan niệm trị chính của đế vương, hỗ trợ họ tu thân, trị quốc và bình thiên hạ. Vì vậy, mối quan hệ giữa Phật giáo và chính trị từ trước đến nay luôn mật thiết, tương tác và nâng đỡ lẫn nhau.

Tại Trung Quốc, các triều đại không chỉ thiết lập những chức vụ tăng quan như Tăng chính, Tăng thống, Tăng Lục ty, mà còn cung thỉnh nhiều vị cao tăng làm Quốc sư để phụ tá việc trị chính. Thiền sư Nam Dương Huệ Trung (675-775), bậc cao tăng lỗi lạc đời Đường, là một trong những vị Thiền sư sớm được tôn xưng Quốc sư trong lịch sử Phật giáo Trung Hoa. Ngài là môn đệ đặc pháp của Lục tổ Huệ Năng, được cả Đường Túc Tông và Đường Đại Tông hết lòng tôn kính, sắc phong làm Quốc sư.

Tam tổ Hiền Thủ Pháp Tạng (643-712), vị Tổ thứ ba của tông Hoa Nghiêm - một trong những tông phái Đại thừa lớn của Phật giáo Trung Hoa - từng truyền trao

Ngũ giới cho Đường Cao Tông. Võ Tắc Thiên cung thỉnh ngài vào cung giảng giải yếu nghĩa Kinh Hoa Nghiêm. Để giúp nữ hoàng Võ Tắc Thiên thấu hiểu đạo lý “thể, tướng và dụng nhất như”, Pháp Tạng dùng hình tượng sư tử vàng làm thí dụ, từ đó hình thành kiệt tác Hoa Nghiêm Kim Sư Tử Chương, góp phần làm cho tư tưởng Hoa Nghiêm rực rỡ dưới triều Đường. Tứ tổ Thanh Lương Trừng Quán còn được các hoàng đế Đại Tông, Đức Tông, Thuận Tông, Hiến Tông, Mục Tông, Kính Tông và Văn Tông hết lòng tôn kính, được tôn xưng là Quốc sư của bảy triều vua.

Quốc sư Ngô Đạt đời Đường được Đường Văn Tông hết sức kính ngưỡng. Sau khi Đường Tuyên Tông lên ngôi, nhà vua ban cho ngài cà-sa màu tía và sắc phong làm Thủ tọa Tam giáo. Ngài từng trợ giúp Tuyên Tông phục hưng Phật giáo, công lao rất hiển hách.

Pháp sư Huyền Uyển (562-636) là một vị cao tăng, Luật sư lỗi lạc thời Tùy-Đường, nổi tiếng với hạnh trì giới nghiêm cẩn và khả năng cảm hóa hoàng tộc. Ngài được triều đình cung thỉnh làm Thái tử Thái phó, dùng bốn phương châm: “thực hành lòng từ, giảm bớt sát hại, thuận theo chính danh và phụng hành đạo pháp” để giáo dục Đông cung Thái tử về phương pháp yêu dân, trị nước khi nắm quyền trong tương lai.

Ngoài ra còn có Thiền sư Bảo Chí làm Quốc sư của Lương Vũ Đế; Ngọc Lâm Quốc sư (1614-1675) làm thầy của hoàng đế Thuận Trị nhà Thanh; Đại sư Thiên Thai Trí Giả (538-597), vị Tổ sư khai sáng tông Thiên Thai, được các bậc đế vương hai triều Trần và Tùy kính trọng, v.v. Các bậc Đại sư ấy đều giữ phong thái siêu nhiên của người phương ngoại, vận dụng trí tuệ Phật pháp để hiến tặng những lời khuyên quý báu, vì sự an lạc của đất nước và hạnh phúc của nhân dân.

Qua các triều đại, còn có nhiều vị tăng sĩ tạo ảnh hưởng sâu rộng đối với chính trị quốc gia. Chẳng hạn, vào cuối đời Tây Tấn, ngài Phật Đồ Trừng (232-348) đã cảm hóa Thạch Lặc và Thạch Hổ - những người vốn tàn bạo, hiếu sát, nhờ đó cứu sống vô số sinh linh. Cả hai đều tôn ngài làm thầy và thường xuyên thỉnh giáo về những đại sự của xã tắc.

Đại sư Đạo An, đệ tử của ngài Phật Đồ Trừng, là bậc mà Phù Kiên hết sức mong cầu khi đem mười vạn đại quân tiến đánh Tương Dương. Lúc bấy giờ, có một học giả uyên bác tên Tập Tạc Xỉ, nổi tiếng về văn chương và tài biện luận. Trước khi Đại sư Đạo An đến Tương Dương, Tập Tạc Xỉ đã nghe danh ngài từ lâu, nên viết thư kết giao rồi đích thân đến thăm. Ông tự giới thiệu: “Trong bốn biển là Tập Tạc Xỉ”, hàm ý danh tiếng của mình đã vang khắp bốn phương. Đại sư Đạo An lập tức đáp: “Trùm khắp trời là Thích Đạo An”. Hai người ứng đối cơ phong,

thiền vị tràn đầy, để lại một giai thoại đẹp trong lịch sử.

Về sau, Đại sư Đạo An từng khuyên can Phù Kiên đình chiến, mong chúng sinh không phải rơi vào cảnh lâm than, sinh linh đồ thán.

Lại như Tam tạng Pháp sư Huyền Trang đời Đường, trong khi chủ trì sự nghiệp phiên dịch kinh điển lớn lao, ngài còn thường xuyên được Đường Thái Tông và Đường Cao Tông tham vấn. Khi Pháp sư Huyền Trang viên tịch, Đường Cao Tông bãi triều ba ngày, đau buồn nói với quần thần: “Trẫm đã mất đi một quốc bảo!” Qua đó có thể thấy ngài được triều đình và dân chúng tôn kính sâu xa đến mức nào.

“Hoàng đế là quốc vương trong lĩnh vực chính trị, ảnh hưởng trong một thời; người xuất gia là Pháp vương trên phương diện chân lý, ảnh hưởng đến muôn đời”.

Tùy Văn Đế từng tán thán Luật sư Linh Tạng (519-586): “Trẫm là thiên tử của những người phạm tục thế gian; còn Luật sư, ngài là thiên tử của những người cầu đạo, học pháp. Luật sư có thể dùng Phật pháp hóa độ người làm lành, còn trẫm chỉ có thể dùng pháp lệnh ngăn cấm người làm ác”.

Nam Tống Cao Tông từng cung thỉnh Thiền sư Pháp Đạo vào triều cùng bàn quốc sự, hiến kế sách và góp phần ổn định quân cơ. Lưu Bỉnh Trung, người từng có thời gian làm thiền tăng, về sau được triều Nguyên triệu mời ra giúp việc chính sự. Để bảo toàn tính mạng và tài sản của người Hán, giúp họ tránh khỏi sự giết hại vô tội, Lưu Bỉnh Trung đã dũng cảm đứng ra thiết lập nghi lễ triều đình, định ra chế độ và thúc đẩy quá trình Hán hóa, nhờ đó giảm bớt nhiều tổn thất cho dân chúng Trung Nguyên.

Thiền sư Chí Ôn, tức Kỳ Ngọc Chí Ôn (1217-1267), đời Nguyên, do có công trợ giúp việc giáo hóa của vương triều, được Nguyên Thế Tổ sắc phong là Đại Thiền sư Phật Quốc Phổ An.

Các bậc cao tăng đại đức qua nhiều thời đại tuy không trực tiếp nắm quyền trị chính như đế vương, tướng lĩnh hay quan lại, nhưng tấm lòng yêu nước, thương dân của các ngài không hề thua kém bất kỳ ai. Các ngài vận dụng giáo lý cao sâu của Phật giáo để thanh lọc nhân tâm, cải thiện phong hóa, xây dựng đời sống tinh thần và bồi đắp sức mạnh nội tâm cho xã hội; đem đến niềm an ủi khi quần chúng gặp khổ nạn, khơi dậy nghị lực khi con người rơi vào thất vọng.

Người phật tử có thể tham chính không?

Đáng tiếc là từ lâu, nhiều người vẫn giữ một quan niệm chưa thỏa đáng đối với việc tăng sĩ quan tâm đến chính trị. Họ cho rằng người xuất gia không được bàn việc nước, cũng không nên quan tâm đến chính trị. Thật ra, chính trị là công việc chung của mọi người. Người phật tử đã quan tâm đến xã hội, đến vận mệnh của đất nước và hạnh phúc của nhân dân, thì làm sao có thể hoàn toàn đứng ngoài đời sống chính trị?

Ngay cả đức Phật cũng từng xác nhận Ngài là “một thành viên trong đại chúng”. Bồ-tát Quán Thế Âm với ba mươi hai ứng hóa thân đi khắp các quốc độ cứu độ chúng sinh; trong đó có cả thân quốc vương, tể quan và đại tướng quân. Bồ-tát tùy duyên thị hiện trong những thân phận có ảnh hưởng xã hội để kiến tạo cho chúng sinh một cõi Tịnh độ nhân gian sung túc, an vui và không còn sợ hãi.

Vì thế, người phật tử tham gia chính trị, nếu xuất phát từ lòng yêu nước, yêu quê hương; từ tâm bi mẫn quan tâm đến hết thảy chúng sinh; từ tâm nguyện của bậc hiền thánh muốn làm đẹp cuộc đời và cứu giúp con người, thì sự dẫn thân ấy có gì là không thể?

Đối với câu hỏi thường được nêu ra: “Người phật tử có thể làm chính trị hay không?”, câu trả lời là: “Có thể!” Từ việc đức Phật giảng dạy các bậc quốc vương về nền chính trị lý tưởng của Chuyển luân Thánh vương, cho đến việc các vị Quốc sư trong lịch sử vận dụng trí tuệ phật pháp để phụ tá đế vương trị nước, tất cả đều chứng minh rằng người phật tử có thể tham chính. Tuy nhiên, quan tâm đến chính trị không đồng nghĩa với việc nhất thiết phải trực tiếp tranh đoạt quyền lực hay can dự vào mọi hoạt động trị chính. Đó chính là tinh thần Trung đạo: nhập thế mà không nhiễm thế, phụng sự mà không đánh mất lý tưởng giải thoát.

Nếu người phật tử có thể lấy tinh thần Bồ-tát đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn làm nền tảng để dẫn thân vào sự nghiệp chính trị, họ càng có khả năng mở rộng tâm lượng, vượt lên trên lợi ích cá nhân và mưu cầu phúc lợi cho số đông. Điều ấy không chỉ phù hợp với tinh thần nhập thế của Phật giáo, mà còn góp phần kiến tạo một xã hội công bằng, nhân ái và hòa bình.

Tác giả: Tinh Vân Đại sư (釋真空)

Chuyển ngữ: Thích Vân Phong

Nguồn: Nhân Gian Phúc Báo (人間福報) — www.merit-times.com